TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2026
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Bình; Ông Hà Viết Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1011/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1014/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Th, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Th, xã Ô, tỉnh Thanh Hoá; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Th, xã Ô, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2026, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Chị và anh Hà Văn H tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/01/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2026 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Mặc dù đã được hai bên gia đình cố gắng động viên nhưng không hòa giải được nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm hôn nhân không còn, chị làm đơn đề nghị ly hôn với anh Hà Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Hà Hoàng Đ, sinh

ngày 11/4/2019. Hiện nay, cháu Đ đang ở cùng với anh H nên chị có nguyện vọng giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn H: Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bà Phạm Thị S là mẹ đẻ của anh H nhận thay, bà đã giao lại văn bản và thông tin cho anh H biết được việc Tòa án triệu tập anh đến làm việc.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Ô ngày 19/5/2026 thể hiện: Chị Bùi Thị Th và anh Hà Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã Ô, tỉnh Thanh Hóa. Chị Th và anh H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ô. Về mâu thuẫn vợ chồng chị Th và anh H không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên chính quyền địa phương không nắm được. Anh H hiện nay đang đi làm ăn xa (làm gì, ở đâu thì không rõ) thỉnh thoảng vẫn về nhà.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/5/2026, bà Phạm Thị S (mẹ đẻ anh H) cung cấp thông tin: Chị Th và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ô, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H chung sống cùng với ông bà được một thời gian thì vợ chồng xảy mâu thuẫn, cãi vã nhau. Chị Th bỏ nhà ra đi kể từ khi cháu Hà Hoàng Đ được mấy tháng tuổi, khi đó cháu Đ được bố và ông bà nội nuôi dưỡng đến nay cháu đã học lớp 1. Bà đã được nhận được các văn bản tố tụng của Toà án về việc Triệu tập anh H đến làm việc tại Toà án và thông tin lại cho anh H biết, anh H có trao đổi lại với bà đang đi làm ăn (địa chỉ cụ thể bà không nắm được) nên không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo đơn của chị Th. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi con là cháu Hà Hoàng Đ, sinh ngày 11/4/2019. Tuy nhiên anh đang đi làm ăn nên để cháu ở nhà với ông bà nội và nhờ ông nhờ nội trông mon, chăm sóc, anh H vẫn gửi tiền hàng tháng và về thăm mon con đều đặn. Bà sẽ nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc cháu Hoàng Đ thay anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn được thông báo đầy đủ nội dung các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không có mặt theo giấy triệu tập, không nộp bản tự khai trình bày ý kiến là tự nguyện từ bỏ quyền và cố tình không thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị xử cho chị Th được ly hôn anh H. Về con chung: Đề nghị giao cháu Hà Hoàng Đ, sinh ngày 11/4/2019, cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên, Về cấp cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về tài sản: Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không xem xét; Chị Th được miễn án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hà Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã Ô, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần và tống đạt các Quyết định, văn bản tố tụng cho bị đơn đảm bảo quy định tại Điều 171; Điều 177 Bộ Luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn chị Bùi Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Th và anh H.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th và anh Hà Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị Th và anh H phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đảm bảo quy định của pháp luật, nhưng không đến Tòa án làm việc. Việc anh H không đến Tòa án làm việc, không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ theo quy định tại điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được giải quyết ly hôn. Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Th được ly hôn anh H.

[5]. Về con chung: Chị Th và anh H có 01 con chung là cháu Hà Hoàng Đ, sinh ngày 11/4/2019. Cháu Hà Hoàng Đ hiện nay đang ở cùng với bố và ông bà nội tại thôn Th, xã Ô, tỉnh Thanh Hóa. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, cháu Đ có đơn nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nên giao cháu Hà Hoàng Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H không yêu cầu chị Th tcấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Th là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Hoàng Đ, sinh ngày 11/4/2019 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Th có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Th 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002226, ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Th và anh Hà Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Ô;
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung